

Số: 1583/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 06 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

SỞ CÔNG THƯƠNG VÀ TIỀN PHÊ DUYỆT Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025

SỐ CÔNG THƯƠNG VÀ TIỀN PHÊ
ĐẾN số: 3286
Ngày: 10/10/14
Chuyển:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát kinh tế – xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 17/2010/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển thương mại;

Căn cứ Quyết định số 3098/QĐ-BCT ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025, với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. Quan điểm phát triển:

- Phát triển thương mại tỉnh Trà Vinh phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát huy mọi nguồn lực và tiềm năng để thương mại trở thành ngành kinh tế quan trọng, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ, góp phần nâng cao mức sống dân cư.

- Coi trọng kết hợp giữa hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Có sự kết hợp giữa yêu cầu phát triển các doanh nghiệp thương mại trong và ngoài nước với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh tham gia thị trường.

- Vừa đảm bảo thực hiện văn minh, năng lực thực hiện các hoạt động thương mại, vừa đảm bảo tính hiệu quả cao của cơ sở vật chất kỹ thuật được đầu tư.

- Gắn bó chặt chẽ với sự phát triển của thương mại các vùng và cả nước, đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế với thế giới.

- Phát triển thương mại tỉnh Trà Vinh cần đặc biệt chú trọng đến yêu cầu nâng cao năng lực và vai trò quản lý nhà nước đối với các hoạt động thương mại của địa phương, đảm bảo vừa tuân thủ theo quy định của pháp luật, vừa tạo ra môi trường thuận lợi cho các nhà kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, tham gia ổn định thị trường, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng.

II. Mục tiêu phát triển:

1. Mục tiêu chung:

- Phát triển ngành thương mại trên cơ sở khai thác những tiềm năng, lợi thế, thích ứng với yêu cầu phát triển, đưa Trà Vinh trở thành một trong những tỉnh trọng điểm phát triển kinh tế biển của vùng đồng bằng sông Cửu Long;

- Xây dựng ngành thương mại phát triển bền vững theo hướng văn minh, hiện đại; phát huy vai trò của thương mại trong việc định hướng và thúc đẩy sản xuất phát triển, tổ chức tiêu thụ tốt sản phẩm cho nông nghiệp, nông dân; đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng phong phú, đa dạng của nhân dân; góp phần ổn định an sinh xã hội và tăng trưởng kinh tế;

- Đẩy nhanh việc đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu, tăng dần tỷ trọng các mặt hàng xuất khẩu chế biến sâu;

- Tích cực thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước để phát triển cơ sở hạ tầng thương mại theo hướng văn minh, hiện đại; phát triển thương mại theo cơ cấu hợp lý với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, vận hành trong môi trường cạnh tranh có sự quản lý và điều tiết của nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Giá trị gia tăng của ngành thương mại đóng góp trên 9,7% trong GDP của tỉnh vào năm 2015 và 10,7% trong GDP của tỉnh vào năm 2020;

- Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ xã hội tăng bình quân 15%/năm giai đoạn 2011-2015; tăng 16%/năm giai đoạn 2016-2020;

- Năm 2015, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 330 triệu USD; năm 2020 đạt trên 600 triệu USD; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 13,5%/năm; giai đoạn 2016-2020 đạt 12,9%/năm.

III. Định hướng phát triển thương mại đến năm 2020:

1. Định hướng phát triển không gian thương mại:

Việc bố trí quy hoạch theo không gian thương mại phải đảm bảo vừa tập trung, vừa phân bố hợp lý trên địa bàn tỉnh để tạo nên không gian thương mại

theo hướng mở. Hạ tầng thương mại trong phạm vi không gian lãnh thổ tỉnh Trà Vinh ở ba cấp như sau:

- Cấp cơ sở: các chợ xã, phường làm hạt nhân phát triển kết hợp với các cửa hàng, điểm bán của các thành phần kinh tế tạo thành khu thương mại trung tâm xã, phường;

- Cấp huyện: xây dựng các trung tâm mua sắm, siêu thị, chợ bán buôn, bán lẻ tập trung tại các thị trấn theo quy hoạch phát triển hệ thống đô thị, quy hoạch phát triển giao thông đến 2020;

- Cấp tỉnh: xây dựng các công trình thương mại có quy mô lớn, đa dạng về loại hình, không chỉ chi phối đối với các huyện, thành phố trong tỉnh, mà còn chi phối cả hoạt động thương mại ngoài tỉnh.

Mạng lưới thương mại theo 3 cấp độ này không tách rời nhau mà gắn kết chặt chẽ với nhau nhờ khả năng tổ chức thu mua nông sản, thực phẩm, thủy hải sản.v.v. từ các xã, huyện và phát luồng hàng công nghiệp tiêu dùng, nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất, nuôi trồng... đến các cơ sở thương mại xã, phường, huyện, thành phố trong toàn tỉnh. Trong đó, không gian thương mại vừa bám theo sự phát triển của sản xuất, tiêu dùng theo quy hoạch phát triển đô thị của tỉnh đến năm 2020 và 2025, vừa có thể phát huy được ảnh hưởng của nó đối với hoạt động kinh tế của tỉnh, nhất là đối với nông nghiệp và nông thôn.

2. Định hướng phát triển thị trường:

Căn cứ vào định hướng tổ chức không gian kinh tế - xã hội của tỉnh, có thể định hướng phát triển thương mại theo từng địa bàn thị trường như sau:

Thị trường đô thị:

+ Phát triển thương mại bán buôn và bán lẻ để cung ứng hàng hóa cho các cơ sở bán lẻ, cho dân cư trong và ngoài vùng đô thị; tổ chức các hoạt động xuất nhập khẩu. Tích hợp nhiều loại hình, nhiều quy mô, nhiều công năng khác nhau trong một khu vực đô thị. Qua đó, hình thành các không gian thương mại theo mô hình “đô thị thương mại” để đạt được hiệu quả đầu tư cũng như hiệu quả kinh doanh;

+ Tại các đô thị trung tâm: Phát triển đa dạng các loại hình, tổ chức thương mại bán buôn, bán lẻ, xuất nhập khẩu, trong đó, phát triển nhanh các loại hình hiện đại, hình thành các khu thương mại – dịch vụ dành cho mua sắm tập trung, khu hậu cần phân phối tập kết và phát luồng hàng hóa, cung cấp dịch vụ phụ trợ. Thị trường đô thị trung tâm có thể kết nối để hình thành không gian mua sắm, giao dịch chính trên địa bàn tỉnh;

+ Tại các thị trấn: Phát triển các loại hình, tổ chức thương mại bán lẻ quy mô vừa và nhỏ, tiếp nhận hàng hóa từ thị trường trung tâm để phục vụ nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trên địa bàn. Mục tiêu quan trọng hơn cần đạt được là trở thành đầu mối tổ chức khai thác nguồn hàng sản xuất trong huyện và vùng lân cận để cung ứng cho đô thị trung tâm của tỉnh và thị trường ngoài tỉnh.

Thị trường nông thôn:

+ Chú trọng phát triển hoạt động thương mại nhằm tạo nguồn hàng nông sản cho mục tiêu xuất khẩu, nhất là các mặt hàng trọng điểm. Tổ chức thị trường

kết hợp chặt chẽ với chính sách bảo trợ, bảo hiểm sản xuất nông nghiệp để tạo điều kiện phát triển các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh, phát triển kinh tế hộ gia đình và trang trại;

+ Phát triển hạ tầng thương mại phục vụ cho hoạt động cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ hàng nông, thủy sản;

+ Củng cố hệ thống bán lẻ, chợ bán buôn nông sản phù hợp với quá trình tập trung hóa sản xuất và tiêu dùng ở nông thôn, từng bước nâng cao văn minh thương mại và áp dụng phương thức kinh doanh mới, các dịch vụ hỗ trợ trong các chợ bán buôn, chợ quy mô lớn.

3. Định hướng phát triển các thành phần kinh tế:

- Thương mại có vốn nhà nước:

Doanh nghiệp thương mại nhà nước hoặc có vốn của Nhà nước thực hiện vai trò nòng cốt trong một số hệ thống phân phối của một số ngành hàng quan trọng và đặc thù, tập trung vào những lĩnh vực hoặc địa bàn mà các thành phần kinh tế khác chưa có điều kiện kinh doanh.

- Hợp tác xã thương mại:

Xây dựng mô hình hợp tác xã nông nghiệp - thương mại - dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp hoặc có thể phát triển mô hình hợp tác xã đa chức năng hoặc hợp tác xã thương mại - dịch vụ tổng hợp.

- Thương mại tư nhân:

Hỗ trợ thương mại tư nhân thực hiện tích tụ và tập trung vốn; phát triển một số doanh nghiệp thương mại mạnh, có đủ sức cạnh tranh và điều kiện để hợp tác hiệu quả với các nhà phân phối trong nước và nước ngoài, thực hiện phân công và hợp tác trên cơ sở thế mạnh của mỗi thành viên, xây dựng thương hiệu phân phối của từng hệ thống....

Đối với các hộ kinh doanh nhỏ: khuyến khích tham gia tích cực vào các hoạt động cung ứng vật tư nông nghiệp, hàng tiêu dùng ở quy mô nhỏ phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn.

- Thương mại có vốn đầu tư nước ngoài:

+ Khuyến khích đầu tư vào loại hình dịch vụ phân phối chất lượng cao, quy mô lớn như Trung tâm mua sắm, chợ bán buôn nông sản...

+ Phát triển hình thức liên kết giữa các công ty phân phối nước ngoài với các nhà cung ứng hàng hóa trong nước.

4. Định hướng phát triển các mặt hàng chủ lực, đẩy mạnh xuất khẩu:

Xuất phát từ thế mạnh của nền kinh tế nông nghiệp và kinh tế biển, ngoài gạo, định hướng phát triển các mặt hàng chủ lực của Trà Vinh là: sản phẩm chế biến từ thủy sản như tôm, cá,...; sản phẩm từ dừa như dừa khô, cơm dừa nạo sấy, chi xơ dừa,...; sản phẩm công nghiệp mà Trà Vinh có khả năng phát triển như may mặc, giày dép, thực phẩm công nghệ, điện tử, linh kiện điện tử,...;

Cần tập trung theo hướng nâng dần quy mô sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng nông sản; trong đó, cần đặc biệt quan tâm đến quy hoạch, đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu tập trung và khai thác nguồn nguyên liệu trên địa bàn một cách

hợp lý, khoa học; mở rộng diện tích nuôi, trồng các mặt hàng chủ lực, đầu tư phương tiện đánh bắt xa bờ, nghiên cứu ngư trường đánh bắt tạo ra nguồn nguyên liệu ổn định, chất lượng cao;

Thực hiện đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, không ngừng cải tiến và nâng cấp mặt hàng truyền thống, tích cực đầu tư, nâng cấp, đổi mới dây chuyền công nghệ trong chế biến hàng thủy sản, nông sản, gia công may mặc,... giảm hàm lượng lao động giản đơn, nâng cao hàm lượng công nghệ, chất xám để tăng sức cạnh tranh của hàng hóa.

Khuyến khích các doanh nghiệp tiếp cận công nghệ tiên tiến; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm quốc tế theo tiêu chuẩn ISO, đạt tiêu chuẩn HACCP, Code EU, SA 8000,... khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đăng ký bản quyền, xây dựng thương hiệu để tránh hàng gian, hàng giả, tranh chấp thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước;

Khuyến khích mời gọi các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư sản xuất mặt hàng mới, có thị trường mà Trà Vinh chưa sản xuất. Chú trọng xây dựng đội ngũ doanh nhân tinh thông nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, am hiểu thị trường xuất nhập khẩu.

5. Định hướng phát triển thương mại điện tử:

Giai đoạn đầu có thể triển khai chủ yếu ở khâu xúc tiến hoạt động kinh doanh dưới hình thức Website quảng cáo trên mạng, tìm kiếm thông tin về thị trường và bán hàng trên mạng, tiến hành các giao dịch trước khi ký kết hợp đồng và sử dụng cho các mục đích quản trị trong doanh nghiệp;

Nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp về lợi ích của thương mại điện tử; tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp và khuyến khích người tiêu dùng mua bán trực tuyến;

Đào tạo đội ngũ nhân lực có đủ khả năng về chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng thành thạo tin học về giao dịch thương mại điện tử.

6. Định hướng phát triển xúc tiến thương mại:

Phát triển đa dạng các hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng các hoạt động xúc tiến thương mại gắn với phát triển thị trường mục tiêu, thị trường trọng điểm và thị trường cho mặt hàng chủ lực, có thương hiệu, có sức cạnh tranh cao của tỉnh;

Xây dựng hệ thống cung cấp thông tin, dự báo và định hướng về thị trường trong, ngoài tỉnh để phát triển thị trường và sản phẩm; thu thập, xử lý và cung cấp thông tin thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp công tác xúc tiến thương mại; tổ chức tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xúc tiến thương mại và bồi dưỡng kỹ năng tác nghiệp cho cán bộ quản lý và kinh doanh thương mại;

Xây dựng, tổ chức thực hiện, quản lý chương trình thương hiệu địa phương; quảng bá hình ảnh địa phương, hình ảnh doanh nghiệp Trà Vinh ở trong nước và ngoài nước; hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, quảng bá và bảo vệ thương hiệu.

IV. Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

I. Quy hoạch phát triển hệ thống chợ :

1.1. Nguyên tắc phát triển

- Quy hoạch phát triển hệ thống chợ phải phù hợp với quy hoạch các khu dân cư, vùng sản xuất, phù hợp với đặc điểm, truyền thống buôn bán và sinh hoạt ở từng địa bàn của tỉnh;

- Phát triển chợ theo hướng văn minh, hiện đại kết hợp với giữ gìn bản sắc truyền thống, đảm bảo an toàn thực phẩm theo Luật An toàn thực phẩm và môi trường sinh thái. Khi xây dựng và nâng cấp chợ phải tuân thủ các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật quy định về mặt bằng, kiến trúc, tổ chức không gian cũng như các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, xử lý rác thải, cấp thoát nước trong khu vực chợ...;

- Thực hiện nguyên tắc xã hội hóa trong xây dựng và quản lý chợ. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, đổi mới quản lý kinh doanh để các chợ hoạt động hiệu quả và đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội.

1.2. Phương hướng phát triển

1.2.1. Chợ đầu mối nông sản, chợ chuyên doanh

- Bố trí chợ đầu mối tại vùng sản xuất lúa gạo, thủy sản trọng điểm của tỉnh (tiểu vùng nông nghiệp), có khả năng thu hút và phát luồng hàng hóa trong và ngoài tỉnh, cho chế biến hàng xuất khẩu;

- Bố trí chợ chuyên doanh tại các khu vực sản xuất hàng nông sản có cơ cấu sản phẩm đa dạng, quy mô nhỏ, phân tán, phục vụ cho nhu cầu thu mua, chế biến và tiêu thụ chủ yếu trên địa bàn tỉnh; bố trí ở ngoại vi đô thị, thị trấn vùng tiêu dùng tập trung để tập kết và phân phối hàng hóa tới các chợ, điểm bán lẻ và cơ sở tiêu thụ lớn trong đô thị và vùng lân cận.

1.2.2. Chợ tổng hợp, chợ dân sinh

- Đối với đô thị: số lượng chợ sẽ tăng với tốc độ chậm hơn so với mức chung toàn tỉnh, hạn chế đầu tư, xây dựng chợ mới ở khu vực nội đô, chủ yếu tập trung vào việc nâng cấp, cải tạo mạng lưới chợ hiện có theo các hướng:

+ Đối với các chợ trung tâm thị trấn, thành phố: loại hình này thường có quy mô lớn - nhiều chợ đã hình thành từ lâu - nơi tập trung và phát luồng hàng hóa cho tiêu dùng hàng ngày của dân cư và tới các chợ dân sinh, các cơ sở bán lẻ trong đô thị và các vùng lân cận. Cần lựa chọn một số chợ để nâng cấp, phát triển thành các chợ hiện đại, làm hạt nhân hình thành các khu thương mại - dịch vụ tập trung, các khu mua sắm của thành phố, thị trấn... Ngoài các hoạt động bán buôn, bán lẻ thông thường, phát triển thêm các dịch vụ phụ trợ như dự trữ, vận chuyển, bốc xếp, trông giữ xe, đo lường...

+ Chợ dân sinh: Sắp xếp, nâng cấp, cải tạo các chợ theo hướng tuân thủ các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và văn minh thương mại. Chợ dân sinh thành thị sẽ chuyển dần thành chợ chuyên doanh, chủ yếu kinh doanh thực phẩm tươi sống.

+ Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để chuyển đổi các chợ dân sinh không đủ tiêu chuẩn diện tích (dưới 2.000 m²), thành các loại hình bán lẻ hiện đại khi trình độ đô thị hóa đạt mức cao hơn.

+ Phát triển chợ mới chủ yếu ở khu vực ngoại thị, tại các khu dân cư tập trung nhưng chưa có chợ.

- Đối với nông thôn: Mạng lưới chợ dân sinh vẫn là loại hình thương mại phổ biến. Cụ thể là:

+ Cải tạo, nâng cấp, di dời, xây mới chợ dân sinh phù hợp với nhu cầu mua bán và tiêu thụ hàng hóa của nông dân hiện tại và tương lai, cải thiện điều kiện hạ tầng và vệ sinh môi trường trong chợ để đảm bảo sạch sẽ, thoáng mát, lưu thông dễ dàng.

+ Bổ sung và phát triển chợ mới gắn liền với quá trình hình thành các khu, cụm dân cư. Hạn chế xây dựng tràn lan chợ nhỏ, chú trọng lựa chọn vị trí và diện tích đất quy hoạch đủ rộng để sau này có thể nâng cấp, mở rộng quy mô của chợ.

+ Phát triển chợ nông thôn kết hợp với thực hiện “Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2010-2020”, đảm bảo các tiêu chí chợ nông thôn mới. Theo đó, đến năm 2015, các chợ nông thôn phải đảm bảo tiêu chuẩn chợ hạng III; đến năm 2020, chợ nông thôn được nâng cấp cải tạo, đáp ứng nhu cầu.

1.2.3. Định hướng phân bố

- Chợ đầu mối:

Xây dựng 5 chợ đầu mối (ĐM) hạng 3: Chợ ĐM Long Sơn, xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang, diện tích 12.221 m² (2016-2020); chợ ĐM Cầu Quan, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, diện tích 1.683 m² (2016-2020); chợ ĐM Đại Phước, xã Đại Phước, huyện Càng Long, diện tích 5.000 m²; chợ ĐM Trà Điều, ấp Trà Điều, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, diện tích 13.000 m²; chợ ĐM Long Hữu, ấp 10, xã Long Hữu, huyện Duyên Hải, diện tích 5000m².

Bảng Tổng hợp Quy hoạch chợ đầu mối

STT	Tên chợ	Xây mới	Hạng chợ	Diện tích (m ²)	Nhu cầu vốn (Tỷ đồng)	Giai đoạn đầu tư
1	ĐM Long Sơn	x	3	12.221	12,3	2015-2020
2	ĐM Cầu Quan	x	3	1.683	1,7	2015-2020
3	ĐM Đại Phước	x	3	5.000	5	2015-2020
4	ĐM Trà Điều	x	3	13.000	13	2015-2020
5	ĐM Long Hữu	x	3	5.000	5	2015-2020
	Tổng cộng	5		36.904	37	

- Chợ tổng hợp bán buôn, bán lẻ, chợ dân sinh:

TT	Tên chợ	Quy hoạch	Hạng	Diện tích (m ²)	Nhu cầu vốn (Tỷ đồng)	Giai đoạn đầu tư
I	Thành phố Trà Vinh	5		21.762	21,7	
1	TP. Trà Vinh	Xây mới	1	15.000	15	2015-2020
2	Sóc Ruộng	Xây mới	3	4.500	4,5	2015-2020
3	Phường 2	Cải tạo	3	1.062	1,0	2021-2025
4	Phường 8	Cải tạo	3	700	0,7	2021-2025
5	Vĩnh Yên	Cải tạo	3	500	0,5	2021-2025
II	Càng Long	12		26.200	26,2	
1	Huyện Hội	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
2	Càng Long	Cải tạo	1	4.900	4,9	2021-2025

3	Mỹ Cẩm	Cải tạo	3	1.500	1,5	2021-2025
4	An Trường	Cải tạo	3	2.000	2	2015-2020
5	Tân An	Cải tạo	2	2.500	2,5	2015-2020
6	Bãi San	Cải tạo	3	1.300	1,3	2015-2020
7	Loco(An trường A)	Cải tạo	3	1.000	1,0	2015-2020
8	Nhị Long	Cải tạo	2	2.700	2,7	2015-2020
9	Nhị Long Phú	Cải tạo	3	1.800	1,8	2015-2020
10	Rạch Bàn	Cải tạo	3	1.500	1,5	2021-2025
11	Bình Phú	Cải tạo	3	1.500	1,5	2021-2025
12	Phương Thạnh	Cải tạo	3	2.500	2,5	2021-2025
III	Cầu Kè	13		46.000	42,5	
1	Cầu Kè	Cải tạo	2	5.000	5,0	2015-2020
2	Cây xanh	Di dời, XM	3	3.000	3,0	2015-2020
3	Ngã Hậu	Di dời, XM	3	6.000	6,0	2015-2020
4	Ô Rôm	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
5	An Bình	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
6	Vinh An	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
7	Trà Ôt	Di dời, XM	3	4.000	4,0	2021-2025
8	Vinh An	Xây mới	3	3.000	3,0	2021-2025
9	Phong Thạnh (áp 1)	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
10	Phong Thạnh (áp 03)	Xây mới	3	3.000	3,0	2021-2025
11	Bà My	Cải tạo	3	3.000	2,0	2021-2025
12	An Phú Tân	Cải tạo	3	3.000	2,0	2021-2025
13	Mỹ Văn	Cải tạo	3	4.000	2,5	2021-2025
IV	Tiểu Cần	7		15.500	11,5	
1	Tập Ngãi	Cải tạo	3	3000	3,0	2015-2020
2	TT Tiểu Cần	Cải tạo	2	2.000	2,0	2015-2020
3	Ngã Tư 1	Cải tạo	3	1.500	1,5	2015-2020
4	Cầu Quan	Cải tạo	3	3.000	3,0	2021-2025
5	Rạch Lọt	Cải tạo	3	2.000	2,0	2021-2025
6	Cây Ôi	Xóa		2.000	-	-
7	Sóc Cầu	Xóa		2.000	-	-
V	Châu Thành	14		36.527	37,5	
1	TT Châu Thành	Cải tạo	3	2.934	3,0	2015-2020
2	Nguyệt Hóa	Cải tạo	3	8.000	8,0	2021-2025
3	Bãi Vàng	Cải tạo	3	10.796	10,8	2021-2025
4	Long Hòa	Cải tạo	3	1.764	1,8	2021-2025
5	Rạch Vồn	Cải tạo	3	1.100	1,1	2021-2025
6	Thanh Nguyên B	Cải tạo	3	1.000	1,0	2021-2025
7	Mỹ Chánh	Cải tạo	3	1.365	1,4	2021-2025
8	Ba Se B	Cải tạo	3	1.359	1,4	2021-2025
9	Song Lộ	Cải tạo	3	1.600	1,6	2021-2025
10	Phước Hảo	Cải tạo	3	3.357	3,4	2021-2025
11	Bà Trâm	Cải tạo	3	586	1,0	2021-2025
12	Hòa Thuận	Xây mới	3	961	1,0	2015-2020
13	Vĩnh Bảo	Xây mới	3	705	1,0	2015-2020
14	Vang Nhứt	Xây mới	3	1.000	1,0	2015-2020
VI	Cầu Ngang	13		42.374	93,6	
1	Hiệp Mỹ Đông	Xây mới	3	1.500	4,5	2015-2020
2	TT Cầu Ngang	Cải tạo	2	11.650	15,0	2015-2020
3	TT Mỹ Long	Xây mới	3	9.750	29,3	2015-2020
4	Mỹ Long	Cải tạo	3	1.238	1,0	2021-2025
5	Mỹ Long Nam	Cải tạo	3	3.090	4,5	2021-2025
6	Mỹ Long Bắc	Cải tạo	3	1.800	2,0	2021-2025

7	Mỹ Hòa	Xây mới	3	1.639	4,9	2015-2020
8	Vinh Kim	Xây mới	3	1.795	5,4	2015-2020
9	Hiệp Hòa	Cải tạo	3	1.554	2,0	2021-2025
10	Bình Tân	Xây mới	3	4.243	12,7	2015-2020
11	Trường Thọ	Xây mới	3	4.115	12,3	2015-2020
12	Phiêu	Xóa		600		-
13	Là Ca B	Xóa		700		-
VII	Trà Cú		8	28.281	30,5	
1	TT Trà Cú	Cải tạo	2	10.500	10,5	2015-2020
2	Tập Sơn	Cải tạo	3	4.506	4,5	2021-2025
3	Tha La (Ngọc Biên)	Cải tạo	3	900	1,0	2021-2025
4	Lưu Nghiệp Anh	Cải tạo	3	3.629	3,7	2021-2025
5	Tân Sơn	Cải tạo	3	1.746	1,8	2021-2025
6	Định An	Xây mới	3	3.000	5,0	2015-2020
7	Hàm Tân	Xây mới	3	2.000	2,0	2015-2020
8	Thanh Sơn	Xây mới	3	2.000	2,0	2015-2020
VIII	Duyên Hải		12	30.000	22,5	
1	TT Duyên Hải	Cải tạo	2	3.000	3,0	2015-2020
2	Long Vĩnh	Cải tạo	3	2.000	1,0	2021-2025
3	Trường Long Hòa	Cải tạo	3	2.500	1,5	2021-2025
4	Ngũ Lạc	Cải tạo	3	2.000	1,0	2021-2025
5	Đông Hải	Cải tạo	3	2.100	1,0	2021-2025
6	Dân Thành	Cải tạo	3	2.000	1,0	2021-2025
7	Long Khánh	Cải tạo	3	2.200	1,0	2021-2025
8	Hiệp Thạnh	Cải tạo	3	2.000	1,0	2021-2025
9	Long Khánh mới	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
10	Long Thành	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
11	Long Toàn	Xây mới	3	3.200	3,0	2015-2020
12	Cồn Cù	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020

2. Quy hoạch phát triển hệ thống siêu thị:

2.1. Những tiêu chuẩn cơ bản xác định quy hoạch siêu thị

+ Tiêu chuẩn xác định quy hoạch đại siêu thị (hyper market) và siêu thị hạng I:

Về số lượng dân cư trên một đại siêu thị: Số lượng dân cư trong khu vực (tương ứng với bán kính phục vụ của một đại siêu thị) phải từ 300 ngàn dân trở lên và có mật độ dân số khu vực nội thành tối thiểu 8.000 người/km² trở lên. Tiêu chuẩn này tương ứng với đô thị từ loại II trở lên - Theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 về phân loại đô thị.

Về mức GDP bình quân đầu người của dân cư trong khu vực siêu thị hạng I: Từ 2.000 USD trở lên.

Về vị trí: Các đại siêu thị được mở tại nơi có điều kiện giao thông thuận lợi, vùng giao thoa giữa nội thành và ngoại thành.

+ Tiêu chuẩn xác định quy hoạch siêu thị hạng II:

Về số lượng dân cư trên một siêu thị hạng II: Số lượng dân cư trong khu vực (tương ứng với bán kính phục vụ của siêu thị hạng II) phải từ 50 ngàn dân trở lên và có mật độ dân số khu vực nội thành tối thiểu 4.000 người/km² trở lên. Tiêu chuẩn này tương ứng với đô thị từ loại IV trở lên.

Về mức GDP bình quân đầu người của dân cư trong khu vực siêu thị hạng II: Từ 1.500 USD trở lên.

Về vị trí: Các siêu thị hạng II được mở tại nơi có điều kiện giao thông thuận lợi, kể cả khu vực nội thành và ngoại thành, nhưng hạn chế phát triển trong khu vực nội thành, đặc biệt là khu vực trung tâm đô thị.

+ *Tiêu chuẩn xác định quy hoạch siêu thị hạng III:*

Về số lượng dân cư trên một siêu thị hạng III: Số lượng dân cư trong khu vực (tương ứng với bán kính phục vụ của siêu thị hạng II) phải từ 4 ngàn dân trở lên và có mật độ dân số khu vực nội thành tối thiểu 2.000 người/km² trở lên, tiêu chuẩn này tương ứng với đô thị từ loại V trở lên.

Về mức GDP bình quân đầu người của dân cư trong khu vực siêu thị hạng II: Từ 1.000 USD trở lên.

Về vị trí: Các siêu thị hạng III được mở tại nơi có điều kiện giao thông thuận lợi, các khu đô thị mới, cụm dân cư lớn cả ở nội thành và ngoại thành.

+ *Những tiêu chuẩn xác định quy hoạch siêu thị chuyên doanh:*

Về bán kính phục vụ, số lượng dân cư, mức GDP bình quân đầu người: Tương ứng với tiêu chuẩn được mở siêu thị hạng III trở lên.

Về vị trí: siêu thị chuyên doanh được mở tại nơi có điều kiện giao thông thuận lợi ở tất cả các thành phố, thị xã, thị trấn có quy mô đô thị từ loại V trở lên.

2.2. Phương án quy hoạch hệ thống siêu thị

Với các nguyên tắc trên đây, việc phân bố hệ thống siêu thị được căn cứ vào quy hoạch phát triển đô thị của tỉnh, nhưng mặt khác cũng cần đặt trong mối quan hệ với các loại hình bán lẻ khác, nhất là các loại hình bán lẻ truyền thống để đảm bảo sự phát triển hài hòa và hợp lý cho các loại hình này. Đặc trưng của Trà Vinh là dân cư nông thôn vẫn chiếm tỉ lệ lớn, hệ thống chợ khá phát triển và mật độ cao so với trung bình cả nước. Do vậy, định hướng chung là chỉ phát triển siêu thị quy mô vừa và chuyên doanh ở các địa bàn, đồng thời hạn chế gia tăng quy mô lớn để đảm bảo hiệu quả đầu tư cũng như đảm bảo sự phát triển đa dạng của các loại hình bán lẻ khác.

Siêu thị hạng II sẽ được phát triển tại TP. Trà Vinh một số thị trấn có cấp đô thị loại IV, khi đủ điều kiện về quy mô dân số và mức sống dân cư.

Siêu thị hạng III sẽ được phát triển tại các thị trấn, thành phố, trong đó chú trọng phát triển ở các khu thương mại - dịch vụ tập trung, khu dân cư đô thị mới.

Siêu thị chuyên doanh được phát triển tại thành phố, thị trấn, các khu dân cư tập trung, khu du lịch.

Theo định hướng trên, ngoài hệ thống mạng lưới siêu thị hiện có, phương án quy hoạch hệ thống siêu thị trên địa bàn tỉnh như sau :

Bảng tổng hợp Quy hoạch siêu thị

STT	Huyện	Số lượng	Hạng	Diện tích (m ²)	Nhu cầu vốn (tỷ đồng)
1	Trà Cú	01	3	3.200	5
2	Càng Long	01	3	5.800	18
3	Cầu Kè	01	3	5.000	10

4	Cầu Ngang	02	3	1.000	4
5	Duyên Hải	01	3	2.000	5
	Tổng cộng	05		17.000	42

3. Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm

3.1. Những tiêu chuẩn cơ bản quy hoạch trung tâm thương mại

+ *Trung tâm thương mại (TTTM) trong nội thị của đô thị lớn:*

Các đô thị được quy hoạch xây dựng TTTM trong khu vực nội thị phải đáp ứng những tiêu chuẩn cơ bản sau: đạt tiêu chuẩn đô thị loại II trở lên (có vị trí trung tâm vùng, cả nước, số dân từ 300 ngàn người trở lên và mật độ dân số khu vực nội thành tối thiểu 8.000 người/km² trở lên); mức GDP/người của dân cư đô thị từ 2.000 USD trở lên.

+ *Trung tâm thương mại tại khu vực ngoại vi các đô thị lớn:*

Trung tâm thương mại có quy mô diện tích từ 5 ha trở lên (tương ứng với TTTM hạng I trong “Quy chế siêu thị, trung tâm thương mại” ban hành kèm theo Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24 tháng 9 năm 2004) được xây dựng tại các đô thị loại đặc biệt;

Trung tâm thương mại có quy mô diện tích từ 3 ha trở lên (tương ứng với trung tâm thương mại hạng II trong “quy chế siêu thị, trung tâm thương mại”...) được xây dựng tại các đô thị loại I;

Trung tâm thương mại có quy mô diện tích từ 1 ha trở lên (tương ứng với trung tâm thương mại hạng III trong “Quy chế siêu thị, trung tâm thương mại”...) được xây dựng tại các đô thị loại II.

+ *Trung tâm mua sắm (TTMS):*

Loại hình tổ chức kinh doanh thương mại hiện đại, đa chức năng, bao gồm tổ hợp các loại hình bán lẻ hiện đại, cơ sở hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân, cộng đồng, dịch vụ kinh doanh; hội trường, phòng họp, văn phòng cho thuê... được bố trí tập trung, liên hoàn trong một khu vực rộng; nhiều công trình xây dựng độc lập đáp ứng các tiêu chuẩn về diện tích kinh doanh, trang bị kỹ thuật và trình độ quản lý, tổ chức kinh doanh; có các phương thức phục vụ văn minh, thuận tiện đáp ứng nhu cầu phát triển hoạt động kinh doanh của thương nhân và thoả mãn nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ của khách hàng.

Việc quản lý, tổ chức bán hàng trong TTMS do nhiều chủ cùng tham gia thực hiện, trong đó bao gồm bán buôn và bán lẻ, các loại hình phân phối hiện đại và truyền thống, các ngành dịch vụ khác. Các mặt hàng được bán qua TTMS là các mặt hàng tiêu dùng đa dạng về chủng loại, phẩm cấp chất lượng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của mọi đối tượng có mức thu nhập, thị hiếu khác nhau.

Nguyên tắc định hướng quy hoạch đối với TTMS (các tỉnh đồng bằng): TTMS theo quy chuẩn hạng III tại các đô thị có quy mô dân số từ 150-200 ngàn dân; hạng II tại các đô thị có quy mô dân số từ 200-300 ngàn dân; hạng I tại các đô thị có quy mô dân số từ 300-500 ngàn dân; hạng đặc biệt tại các đô thị có trên 500 ngàn dân.

3.2. Phương án quy hoạch hệ thống TTTM, TTMS

Theo các tiêu chí trên đây, căn cứ vào quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư của tỉnh, có thể định hướng phát triển loại hình TTTM và TTMS tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và các năm tiếp theo như sau :

- Giai đoạn 2015-2020 xây dựng : 01 TTTM tại phường 7, thành phố Trà Vinh; 01 TTMS tại Thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần; 01 TTMS tại thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành; 01 TTMS tại khóm 3, thị trấn Định An, huyện Trà Cú; 01 TTMS tại thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải.

- Giai đoạn 2021-2025 xây dựng: 01 TTTM và DV Vĩnh Bảo - xã Hòa Thuận, H.Châu Thành.

Bảng Tổng hợp Quy hoạch Trung tâm thương mại và trung tâm mua sắm

STT	TP/Huyện	TTTM	TTMS	TTTM và DV	Hạng	Diện tích (m ²)	Nhu cầu vốn (tỷ đồng)
1	Trà Vinh	01			3	25.000	125
2	Tiểu Cần		01		3	5.800	30
3	Châu Thành		01		3	1.500	7,5
4	Châu Thành			01	3	10.000	50
5	Trà Cú		01		3	2.000	10
6	Duyên Hải		01		3	7.000	35
	Tổng cộng	01	04	01	-	51.300	257,5

4. Quy hoạch trung tâm logistics:

Dịch vụ logistics là hoạt động hậu cần thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm giao nhận hàng hóa, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ hàng hóa khác như: dịch vụ bán buôn; dịch vụ bán lẻ, bao gồm cả hoạt động thu gom, tập hợp, phân loại hàng hóa, phân phối lại... theo thỏa thuận với khách hàng để hưởng thù lao.

Trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025 dự kiến quy hoạch một Trung tâm dịch vụ logistics tại Khu Kinh tế Định An với diện tích khoảng 100.000 m². Nhu cầu vốn khoảng 500 tỷ đồng.

V. THỨ TỰ ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, để thực hiện các mục tiêu phát triển ngành thương mại đã xác định, Trà Vinh cần có thứ tự ưu tiên đầu tư hợp lý, tập trung trước tiên cho các công trình trọng điểm, có tính đột phá. Các chương trình dự án ưu tiên triển khai đầu tư như sau:

- Trước hết lập dự án đầu tư và nâng cấp chợ theo quy hoạch, thứ tự ưu tiên là : i) chợ đầu mối ii) chợ trung tâm các huyện iii) chợ dân sinh ở các xã, nhất là xã có nhu cầu mà chưa có chợ.

- Thứ hai lập quy hoạch chi tiết và triển khai từng phần các dự án đầu tư: TTTM, TTMS và TTTM và DV tại TP. Trà Vinh và các huyện.

* **Giai đoạn 2015 – 2020:** Từng bước thực hiện ưu tiên đầu tư cho các công trình theo danh mục sau:

1. Chợ đầu mối:

STT	Tên chợ	Xây mới	Hạng chợ	Diện tích	Nhu cầu vốn	Giai đoạn
-----	---------	---------	----------	-----------	-------------	-----------

				(m ²)	(Tỷ đồng)	đầu tư
1	ĐM Long Sơn	x	3	12.221	12,3	2015-2020
2	ĐM Cầu Quan	x	3	1.683	1,7	2015-2020
3	ĐM Đại Phước	x	3	5.000	5	2015-2020
4	ĐM Trà Diêu	x	3	13.000	13	2015-2020
5	ĐM Long Hữu	x	3	5.000	5	2015-2020
	Tổng cộng	5		36.904	37	

2. Chợ tổng hợp bán buôn, bán lẻ, chợ dân sinh:

TT	Tên chợ	Quy hoạch	Hạng	Diện tích (m ²)	Nhu cầu vốn (Tỷ đồng)	Giai đoạn đầu tư
I	TP. Trà Vinh	2		19.500	19,5	
1	TP. Trà Vinh	Xây mới	1	15.000	15	2015-2020
2	Sóc Ruộng	Xây mới	3	4.500	4,5	2015-2020
II	Càng Long	7		14.300	14,3	
1	Huyện Hội	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
2	An Trường	Cải tạo	3	2.000	2	2015-2020
3	Tân An	Cải tạo	2	2.500	2,5	2015-2020
4	Nhị Long	Cải tạo	2	2.700	2,7	2015-2020
5	Nhị Long Phú	Cải tạo	3	1.800	1,8	2015-2020
6	Bãi Sơn	Cải tạo	3	1.300	1,3	2015-2020
7	Loco(An trường A)	Cải tạo	3	1.000	1,0	2015-2020
III	Cầu Kè	7		26.000	26,0	
1	Cầu Kè	Cải tạo	2	5.000	5,0	2015-2020
2	Cây xanh	Di dời, XM	3	3.000	3,0	2015-2020
3	Ngã Hậu	Di dời, XM	3	6.000	6,0	2015-2020
4	Ô Rôm	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
5	An Bình	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
6	Vinh An	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
7	Phong Thạnh (ấp 1)	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
IV	Tiểu Cần	3		6.500	6,5	
1	Tập Ngãi	Cải tạo	3	3000	3,0	2015-2020
2	TT Tiểu Cần	Cải tạo	2	2.000	2,0	2015-2020
3	Ngã Tư 1	Cải tạo	3	1.500	1,5	2015-2020
V	Châu Thành	4		5.600	6,0	
1	TT Châu Thành	Cải tạo	3	2.934	3,0	2015-2020
2	Hòa Thuận	Xây mới	3	961	1,0	2015-2020
3	Vĩnh Bảo	Xây mới	3	705	1,0	2015-2020
4	Vang Nhứt	Xây mới	3	1.000	1,0	2015-2020
VI	Cầu Ngang	7		34.692	84,1	
1	Hiệp Mỹ Đông	Xây mới	3	1.500	4,5	2015-2020
2	TT Cầu Ngang	Cải tạo	2	11.650	15,0	2015-2020
3	TT Mỹ Long	Xây mới	3	9.750	29,3	2015-2020
4	Mỹ Hòa	Xây mới	3	1.639	4,9	2015-2020
5	Vinh Kim	Xây mới	3	1.795	5,4	2015-2020
6	Bình Tân	Xây mới	3	4.243	12,7	2015-2020
7	Trường Thọ	Xây mới	3	4.115	12,3	2015-2020
VII	Trà Cú	4		17.500	19,5	
1	TT Trà Cú	Cải tạo	2	10.500	10,5	2015-2020
2	Định An	Xây mới	3	3.000	5,0	2015-2020
3	Hàm Tân	Xây mới	3	2.000	2,0	2015-2020
4	Thanh Sơn	Xây mới	3	2.000	2,0	2015-2020
VIII	Duyên Hải	4		15.200	15,0	

1	TT Duyên Hải	Cải tạo	2	3.000	3,0	2015-2020
2	Long Khánh mới	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
3	Long Thành	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020
4	Long Toàn	Xây mới	3	3.200	3,0	2015-2020
5	Cồn Cù	Xây mới	3	3.000	3,0	2015-2020

3. Trung tâm thương mại và trung tâm mua sắm:

STT	TP/Huyện	TTTTM	TTMS	TTTTM và DV	Hạng	Diện tích (m ²)	Nhu cầu vốn (tỷ đồng)
1	Trà Vinh	01			3	25.000	125
2	Tiểu Cần		01		3	5.800	30
3	Châu Thành		01		3	1.500	7,5
4	Trà Cú		01		3	2.000	10
5	Duyên Hải		01		3	7.000	35
	Tổng cộng	01	03		-	49.800	207,5

* Giai đoạn từ 2021 trở đi: Thực hiện đầu tư cho các công trình còn lại theo quy hoạch đã nêu cụ thể ở trên.

4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại

1. Tổng hợp vốn và đất

Đất và vốn dự kiến xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng thương mại chủ yếu như: Trung tâm thương mại, Trung tâm mua sắm, Trung tâm logistics, siêu thị và chợ đầu mối, chợ dân sinh:

Công trình	Số lượng	Diện tích đất nâng cấp và xây mới (m ²)	Nhu cầu vốn (Tỷ đồng)
1. Hệ thống chợ		279.548	323,0
- Chợ đầu mối	5	36.904	37,0
- Chợ xây mới	28	100.408	146,6
- Chợ nâng cấp, cải tạo	52	142.236	139,4
2. Trung tâm thương mại, mua sắm	6	51.300	257,5
3. Siêu thị	5	17.000	42,0
4. Trung tâm logistics	1	100.000	500,0
Tổng cộng		447.848	1.122,5

2. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư

Vốn đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng thương mại là rất quan trọng, mang tính lâu dài, nền tảng. Nguồn vốn dự kiến giai đoạn quy hoạch bao gồm: ngân sách trung ương, tỉnh, huyện, vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp của nước ngoài, vốn đầu tư của doanh nghiệp trong nước, trong tỉnh, của các thương nhân, hộ kinh doanh, vốn của các tổ chức xã hội hỗ trợ không hoàn lại.v.v.

Thực tế những năm qua cho thấy nguồn vốn do trung ương hỗ trợ rất hạn chế, dự báo trong các giai đoạn quy hoạch, nguồn vốn này chỉ chiếm 10 % (cần vận dụng và thực thi các chính sách và chương trình xây dựng nông thôn mới để tranh thủ vốn hỗ trợ từ trung ương). Nguồn vốn của địa phương từ 20 % (hỗ trợ

đầu tư xây dựng chợ đầu mối, chợ ở địa bàn khó khăn), vì vậy nguồn vốn cho xây dựng, sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng thương mại chủ yếu là từ vốn đầu tư của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, của các thương nhân, hộ kinh doanh...

Bảng Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư

Đơn vị tính: tỷ đồng

Giai đoạn	Chợ đầu mối & chợ THBB,BL	TTTM,MS,DV	Siêu thị	TT logistics	Tổng nhu cầu vốn đầu tư
2015-2020	227,9	207,5	-		435,4
2021-2025	95,1	50	42,0	500,0	687,1

Cơ cấu vốn đầu tư hạ tầng thương mại đến năm 2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

Nguồn vốn	Giai đoạn		Cơ cấu (%)
	2015- 2020	2021- 2025	
Dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư	435,4	687,1	100
Vốn ngân sách Trung ương	43,76	68,71	10
Vốn ngân sách địa phương	85,32	137,42	20
Vốn của nhà đầu tư trong, ngoài nước, của các chủ thể kinh doanh, nguồn khác	306,32	480,97	70

Phân bổ vốn đầu tư hạ tầng thương mại theo năm giai đoạn 2015-2020

Đơn vị tính: tỷ đồng

	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Vốn ngân sách Trung ương	4,376	8,752	13,128	10,94	4,376	2,188
Tỷ trọng %	10	20	30	25	10	5
Vốn ngân sách địa phương	17,504	24,056	17,504	8,752	8,752	8,752
Tỷ trọng %	20	30	20	10	10	10
Vốn đầu tư của các thành phần khác	61,264	61,264	91,896	30,632	30,632	30,632
Tỷ trọng %	20	20	30	10	10	10

Phân bổ vốn đầu tư hạ tầng thương mại theo năm giai đoạn 2021-2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

	2021	2022	2023	2024	2025
Vốn ngân sách Trung ương	13,742	20,613	20,613	6,871	6,871
Tỷ trọng %	20	30	30	10	10

Vốn ngân sách địa phương	41,226	41,226	27,484	13,742	13,742
Tỷ trọng %	30	30	20	10	10
Vốn đầu tư của các thành phần khác	144,291	144,291	96,194	48,097	48,097
Tỷ trọng %	30	30	20	10	10

VI. Giải pháp thực hiện

1. Giải pháp kỹ thuật:

Nghiên cứu, lựa chọn các phương án thiết kế xây dựng các công trình thương mại; khuyến khích các chủ đầu tư áp dụng các công nghệ mới, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường trong việc thu gom, xử lý chất thải; đầu tư năng lực ứng cứu sự cố môi trường; ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hệ thống thu gom, xử lý chất thải.

2. Giải pháp về quản lý:

Đối với các cơ quan quản lý nhà nước: nâng cao năng lực thẩm định các dự án về tác động môi trường; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư; tăng cường vai trò của hệ thống tổ chức bảo vệ môi trường ở cấp cơ sở.

Đối với các doanh nghiệp: Cải tiến thay thế thiết bị, công nghệ mới, bao bì và đóng gói sản phẩm thân thiện hơn với môi trường,...

3. Giải pháp về vốn đầu tư

3.1. Đầu tư phát triển hệ thống chợ

3.1.1. Đối với chợ xây mới:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các chợ sau:

+ Chợ đầu mối hoặc kinh doanh tổng hợp bán buôn, bán lẻ hàng nông sản, thực phẩm để tiêu thụ hàng hóa ở các vùng sản xuất tập trung về nông sản, lâm sản, thủy sản;

+ Chợ trung tâm các huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn trong danh mục của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Nguồn vốn Trung ương ưu tiên đầu tư xây dựng các chợ theo thứ tự sau:

+ Chợ đang hoạt động, nằm trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng là chợ tạm hoặc chợ có cơ sở vật chất - kỹ thuật xuống cấp nghiêm trọng;

+ Chợ xây mới tại những xã chưa có chợ, những nơi có nhu cầu về chợ để phục vụ sản xuất, xuất khẩu và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

- Ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ đầu mối nông sản, thực phẩm và chợ hạng II, hạng III ở địa bàn nông thôn, miền núi và hải đảo.

- Nguồn vốn doanh nghiệp cần khuyến khích đầu tư vào các chợ hạng II, hạng III ở các thị trấn, chợ nông thôn bằng các chính sách, cơ chế và phương thức đa dạng như liên doanh, liên kết, hợp tác giữa nhà nước và tư nhân, đầu tư kinh doanh 100% vốn .v.v.

- Các nguồn vốn khác đầu tư xây dựng chợ, bao gồm: vốn huy động từ các hộ tham gia kinh doanh trong chợ dưới hình thức bán (có thời hạn) quyền sử dụng diện tích cho các hộ sẽ tham gia kinh doanh trong chợ, hình thức góp vốn cổ phần; vốn vay ưu đãi, vốn hỗ trợ của các tổ chức nước ngoài cho các chương trình phát triển nông thôn ở những nơi kinh tế đặc biệt khó khăn.

3.1.2. Đối với chợ cải tạo và nâng cấp:

- Nguồn thu từ việc cho thuê mặt bằng kinh doanh, các khoản phí, lệ phí và các hoạt động dịch vụ trong chợ.

- Nguồn huy động từ các doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong chợ và các hộ kinh doanh được hưởng lợi từ chợ trên địa bàn cùng góp vốn với Nhà nước để cải tạo, nâng cấp chợ theo quy hoạch, kế hoạch; hai bên có hợp đồng chặt chẽ trên cơ sở chấp hành đúng quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế và quy định về đầu tư xây dựng. Việc huy động vốn từ thương nhân kinh doanh trong chợ trên cơ sở thỏa thuận thống nhất giữa các hộ kinh doanh và cơ quan quản lý nhà nước nhằm đảm bảo quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia.

- Đối với những chợ dân sinh ở vùng đặc biệt khó khăn các khoản thu không đủ bù đắp chi phí quản lý chợ, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí tu bổ, sửa chữa, nâng cấp chợ.

3.2. Đầu tư phát triển các công trình thương mại hiện đại

- Trung tâm thương mại là công trình có ý nghĩa cả về kinh tế và chính trị nên Nhà nước đầu tư mặt bằng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Nguồn vốn đầu tư được tạo ra từ việc bán đấu giá quyền sử dụng đất một số cơ sở của Nhà nước có giá trị cao; hoặc vay từ nguồn vốn có gốc từ ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thuê đất dài hạn để đầu tư xây dựng các công trình thương mại (siêu thị, trung tâm hội chợ triển lãm, trung tâm thông tin, ngân hàng, nhà hàng, khách sạn, cao ốc văn phòng, sàn giao dịch,...) và tổ chức kinh doanh, khai thác theo quy định của Luật Đầu tư.

- Đối với các Trung tâm mua sắm, siêu thị độc lập ngoài Trung tâm thương mại là những công trình thương mại, nhà nước tạo quỹ đất sạch cho chủ đầu tư thuê dài hạn để xây dựng, kinh doanh; trường hợp không có quỹ đất sạch, nhà nước hỗ trợ chủ đầu tư các thủ tục pháp lý; chủ đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

- Các công trình có nhu cầu vốn lớn cần mời gọi các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư.

4. Chính sách ưu đãi nhằm thu hút vốn đầu tư

4.1. Chính sách đất đai:

Nhà đầu tư được hưởng chính sách ưu đãi về tiền sử dụng đất, thời gian sử dụng đất theo quy định hiện hành của pháp luật.

4.2. Chính sách tài chính, tín dụng:

- Nhà đầu tư được Quỹ Đầu tư phát triển Trà Vinh hỗ trợ phát triển xem xét cho vay tín dụng trung hạn và dài hạn với lãi suất ưu đãi trong khoảng thời gian nhất định (mức cụ thể tùy theo từng dự án và năng lực của chủ đầu tư).

- Nhà đầu tư xây dựng chợ, siêu thị, các công trình trong trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm được dùng quyền sử dụng các công trình trong phạm vi thuộc quyền sử dụng của mình để thế chấp vay vốn ngân hàng theo quy định hiện hành để đầu tư sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp công trình...

- Đơn vị quản lý như: doanh nghiệp kinh doanh chợ, doanh nghiệp quản lý kinh doanh trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị .v.v. do cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập theo quy định của pháp luật có thể được vay vốn ngân hàng hoặc quỹ tài trợ khác để xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình.

- Các doanh nghiệp kinh doanh và quản lý các công trình kết cấu hạ tầng thương mại được phép quy định giá cho thuê diện tích kinh doanh, các loại phí dịch vụ phù hợp với chất lượng dịch vụ và mặt bằng giá chung trên thị trường theo phương án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng, vận dụng Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đối với đầu tư vào kết cấu hạ tầng thương mại ở nông thôn, nhất là hệ thống chợ. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng chính sách cho vay tín dụng, tín chấp vừa đảm bảo an toàn nguồn vốn cho vay vừa tạo điều kiện cho đầu tư vào phát triển ngành thương mại.

4.3. Các chính sách khác:

- Các nhà đầu tư được cung cấp kịp thời và đầy đủ thông tin về các quy hoạch có liên quan trong quá trình lập dự án đầu tư.

- Nhà đầu tư được ưu tiên áp dụng rút gọn thời gian quy định trong thủ tục hành chính hiện hành đối với quá trình thụ lý, giải quyết hồ sơ có liên quan đến quy hoạch và kiến trúc của dự án đầu tư xây dựng tại cơ quan chức năng.

- Nhà đầu tư được huy động vốn của doanh nghiệp, cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh để xây dựng các hạng mục công trình theo quy định của pháp luật.

5. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực thương mại

- Công tác đào tạo cần tiến hành có trọng tâm, trọng điểm, có tính kế thừa và đảm bảo liên tục có đội ngũ cán bộ đủ năng lực, có kinh nghiệm đảm nhận nhiệm vụ, tránh hiện tượng chấp vá.

- Có kế hoạch đào tạo từng năm đối với từng cấp lãnh đạo chủ chốt, các chức danh, công việc chuyên môn trong ngành dựa theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước và của ngành thương mại và yêu cầu cao hơn trong giai đoạn phát triển tới. Cần xây dựng hoàn chỉnh hệ thống tiêu chuẩn các chức danh trên cơ sở có khung điều chỉnh những điều cần thiết cho phù hợp từng giai đoạn, trong đó chú ý những tiêu chuẩn về kỹ năng trong nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ là một yếu tố cơ bản quyết định chất lượng đội ngũ cán bộ.

- Khuyến khích và có chính sách ưu đãi đối với các địa phương, các doanh nghiệp trong việc đào tạo nguồn nhân lực.

- Có chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho công chức được cử đi học và những người phải đảm nhận, kiêm nhiệm tạm thời công việc cho người đi học; lựa chọn và ưu đãi, hỗ trợ các sinh viên, học sinh giỏi tạo điều kiện để họ theo học các

ngành nghề có nhu cầu sử dụng; đồng thời ký thỏa thuận hợp đồng để họ yên tâm trở về phục vụ tại địa phương khi hoàn thành chương trình đào tạo.

- Triển khai các chương trình đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh. Bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước; ngoài các tiêu chuẩn chung của cán bộ công chức, các cán bộ, công chức trong ngành phải hiểu biết pháp luật chuyên ngành và cập nhật các kiến thức có liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm qua các đợt khảo sát, các hội nghị, hội thảo của ngành thương mại.

- Thực hiện tốt chính sách đối với người lao động đang làm việc trong ngành thương mại, đảm bảo cho họ có đời sống tinh thần và vật chất ngày càng nâng cao.

- Áp dụng Nghị định số 56//2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa; Thông tư liên tịch số 05/2011/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 31/3/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để tranh thủ ngân sách trung ương hỗ trợ đào tạo cho doanh nghiệp.

6. Giải pháp về phát triển khoa học – công nghệ

- Thúc đẩy việc áp dụng khoa học quản lý kinh doanh hiện đại trong ngành thương mại; nâng cao khả năng áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại của các doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ. Hỗ trợ các doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ phát triển, đổi mới khoa học công nghệ, thay đổi bộ mặt các cửa hàng, tích cực ứng dụng các phương thức hiện đại như quản lý bằng mạng máy tính, các doanh nghiệp bán lẻ áp dụng hệ thống quản lý điểm bán hàng - POS (point of sales system). Từng bước nâng cao trình độ tin học của các doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

- Thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước về hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới khoa học công nghệ. Tranh thủ sự hỗ trợ của các cơ quan hữu quan về vấn đề đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ, có chính sách hỗ trợ đối với việc mua sắm thiết bị, đầu tư cải tiến kỹ thuật của các doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.

- Tích cực nghiên cứu thị trường, đầu tư công nghệ chế biến sản phẩm mới, đổi mới công nghệ trong chế biến hàng xuất khẩu nhằm tăng giá trị hàng xuất khẩu và tăng hiệu quả kinh tế.

- Vận dụng các biện pháp tài chính nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin; tổ chức bán hàng trên mạng; thay thế các phương thức nghiệp vụ thủ công truyền thống, áp dụng nghiệp vụ kỹ thuật quản lý theo mạng, nâng cao hiệu suất quản lý, hạ thấp chi phí, khuyến khích các doanh nghiệp thương mại phát triển thương mại điện tử.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp thương mại đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải rắn, lỏng, khí trước khi thải ra môi trường.

7. Giải pháp về đẩy mạnh hợp tác quốc tế, khu vực và địa phương

- Tổ chức nghiên cứu thị trường và hoạt động xúc tiến thương mại với các thị trường trọng điểm (đặc biệt là thị trường TP. Hồ Chí Minh), thị trường các

tính lân cận để xác định lợi thế so sánh và khả năng giao lưu thương mại nhằm điều chỉnh phù hợp cơ cấu sản xuất và thương mại của tỉnh.

- Nghiên cứu đưa ra các điều kiện ưu đãi cho các địa phương có mối quan hệ liên kết thương mại với Trà Vinh. Các điều kiện ưu đãi có thể áp dụng như bán hàng trả chậm, sử dụng đất và địa điểm kinh doanh...

- Chủ động tiến hành trao đổi, ký kết các thỏa thuận cấp tỉnh giữa Trà Vinh với các địa phương khác về việc lập môi trường thông thoáng, chính sách ưu đãi, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp liên kết, hợp tác trong việc mua bán sản phẩm hàng hóa, có thể cung ứng hàng hóa là nguyên liệu đầu vào và nhận tiêu thụ một phần sản phẩm, hay những cam kết xây dựng quan hệ bán hàng ổn định, lâu dài và đảm bảo chữ tín trong kinh doanh.

Trong giai đoạn trước mắt, cần đẩy mạnh mối liên kết giữa Trà Vinh với các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long trong việc đẩy mạnh cung ứng hàng nông sản, rau quả và thủy sản với số lượng lớn.

8. Giải pháp về tăng cường năng lực quản lý nhà nước về thương mại

- Đẩy mạnh việc thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về thương mại trên địa bàn; từng bước tách dần chức năng quản lý hành chính với chức năng cung cấp dịch vụ công; phân định và làm rõ các quy chế phối hợp giữa các Sở, ban ngành, các cấp chính quyền đảm bảo tính thống nhất theo mục tiêu phát triển ngành thương mại của tỉnh và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp thương mại; thực hiện tốt việc phân cấp quản lý thương mại đi đôi với công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm đối với các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Tăng cường công tác quản lý thị trường chống gian lận thương mại đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng;

- Tổ chức mạng lưới thông tin và công tác dự báo thị trường là biện pháp quan trọng để giúp hoạt động thương mại có hiệu quả; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ lao động thương mại.

(Nội dung chi tiết thực hiện theo Quy hoạch đính kèm)

VII. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, đảm bảo mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại phát triển hài hòa, phân bố hợp lý, hoạt động hiệu quả; tăng cường hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh;

Chủ động xây dựng và phối hợp tổ chức thực hiện các đề án về hỗ trợ doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ; đề án hỗ trợ phát triển thương mại điện tử; đề án hỗ trợ phát triển phương thức kinh doanh hiện đại; đề án hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; đề án hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu cho các doanh nghiệp thương mại;...

Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào phát triển cơ cấu thương mại quy mô lớn hơn và hiện đại hơn, chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và

trình UBND tỉnh phê duyệt và ban hành Quy chế khuyến khích đầu tư xây dựng các loại hình thương mại hiện đại trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn và điều hành Trung tâm Xúc tiến thương mại thực hiện xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các tập đoàn, công ty phân phối đa quốc gia tham gia đầu tư phát triển các hệ thống phân phối hiện đại trên địa bàn tỉnh, Chú trọng phát triển các dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu như: nghiên cứu phát triển (R&D), thiết kế mẫu, xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, dịch vụ vận chuyển, kho bãi, dịch vụ hải quan, tư vấn xuất khẩu,... Từng bước phát triển cơ sở hạ tầng nhằm thu hút các dự án đầu tư, đa dạng hóa nguồn vốn và các hình thức đầu tư cho phát triển nguồn hàng xuất khẩu; đầu tư mạnh cho phát triển các sản phẩm xuất khẩu có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao; chú trọng đầu tư trên cả 3 mặt: 1) nguồn nhân lực (quản lý, nghiệp vụ và lao động), 2) đổi mới công nghệ, 3) mở rộng sản xuất và tăng năng suất lao động; gắn kết các hoạt động phát triển xuất khẩu với mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của cộng đồng dân cư; xây dựng và công bố danh mục các ngành hàng, các sản phẩm xuất khẩu chủ lực sẽ được ưu tiên, nhất là ưu tiên đầu tư và các hình thức khuyến khích, hỗ trợ khác.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Xác định danh mục mặt hàng, dịch vụ xuất khẩu chủ lực và cơ chế, kế hoạch xúc tiến xuất khẩu những sản phẩm đó; triển khai thực hiện các quy hoạch phát triển của từng ngành hàng để đảm bảo nguồn cung ứng hàng hóa cho xuất khẩu; nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp trong ngành về sự cần thiết sử dụng các dịch vụ phân phối chuyên nghiệp của các doanh nghiệp thương mại; thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp trong ngành với doanh nghiệp thương mại để phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa có giá trị gia tăng cao và có khả năng chiếm lĩnh được các thị trường mục tiêu ở trong và ngoài nước...

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Cân đối, bố trí kế hoạch vốn đầu tư; nghiên cứu đề xuất những cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài và khuyến khích đầu tư từ khu vực dân doanh; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư vào những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh.

4. Sở Xây dựng:

Trên cơ sở Quy hoạch phát triển thương mại được phê duyệt, cần điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng của tỉnh để đảm bảo bố trí không gian và kiến trúc phù hợp theo tiêu chuẩn cho các loại hình thương mại ở từng khu vực trên địa bàn các huyện, thành phố..

5. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành liên quan phân bổ kinh phí cho các hoạt động xúc tiến thương mại và hỗ trợ cho các doanh nghiệp thương mại của tỉnh; tổ chức kiểm soát giá cả hàng hóa lưu thông trên thị trường; phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan có liên quan trong việc ổn định thị trường và khuyến khích, hỗ trợ phát triển thương mại của tỉnh.

6. Sở Giao thông vận tải:

Trên cơ sở mạng lưới thương mại được quy hoạch, cần có kế hoạch triển khai hoặc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch giao thông, tạo thuận lợi cho lưu chuyển hàng hóa trên thị trường; nghiên cứu thiết kế hệ thống đường kết nối các công trình thương mại với hệ thống giao thông trên từng địa bàn để tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại ở các khu vực, cũng như thuận tiện cho việc cung ứng, bốc dỡ và nhập hàng vào mạng lưới thương mại của tỉnh.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Căn cứ quy hoạch ngành thương mại được phê duyệt, cần điều chỉnh và bổ sung quy hoạch sử dụng đất của tỉnh để dành quỹ đất cho phát triển thương mại, xác định địa giới cho các loại hình thương mại đã được quy hoạch; phối hợp với Sở Công Thương và các Sở, ban ngành khác để xây dựng và ban hành các chính sách sử dụng đất cho phát triển thương mại.

8. Sở Khoa học và Công nghệ:

Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp thương mại của tỉnh sử dụng công nghệ hiện đại trong kinh doanh và quản lý; áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, môi trường để nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa và sản phẩm xuất khẩu.

9. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:

Chủ trì xây dựng dự án thành lập trung tâm giao dịch lao động và hệ thống quản lý thông tin thị trường lao động của tỉnh; phối hợp với các ngành liên quan lập Đề án xây dựng một số trung tâm và chương trình đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp về sản xuất hàng xuất khẩu; xây dựng và ban hành các chính sách ưu đãi để thu hút lao động có trình độ cao, bổ sung cho lực lượng lao động chất lượng cao của tỉnh.

10. Sở Thông tin và Truyền thông:

Hướng dẫn thực hiện chương trình Chính phủ điện tử, thương mại điện tử trên địa bàn; hỗ trợ doanh nghiệp thông tin về công nghệ và chuyên giao công nghệ; xây dựng chương trình đào tạo tin học cho người lao động và vận hành mạng thông tin của ngành thương mại;

Chỉ đạo với cơ quan Báo, Đài của tỉnh tăng cường nội dung thông tin các văn bản pháp quy về thương mại, thị trường, về hàng hóa và xúc tiến thương mại; tuyên truyền để nâng cao kiến thức tiêu dùng trong dân cư; nâng cao nhận thức cho người tiêu dùng về chống buôn lậu, hàng gian, hàng giả; tuyên truyền và hướng dẫn người tiêu dùng làm quen với các phương thức kinh doanh mới, mua bán qua mạng... sử dụng các dịch vụ tiện ích trong mua bán, thanh toán... lợi ích của việc sử dụng các dịch vụ phân phối hiện đại; tuyên truyền, phổ biến những kinh nghiệm thành công và mô hình hệ thống phân phối hiện đại của các doanh nghiệp thương mại và việc áp dụng công nghệ, phương thức kinh doanh và quản lý hiện đại trong ngành thương mại; tuyên truyền về định hướng và chính sách phát triển cũng như các dự án đầu tư lớn trong ngành thương mại của tỉnh,...

11. UBND các huyện, thành phố:

Cần lập quy hoạch chi tiết và triển khai từng phần các dự án đầu tư: Trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị, kho bãi, chợ.

Phối hợp liên ngành và liên vùng nhằm triển khai các giải pháp, chương trình, kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu và phát triển ngành thương mại của tỉnh; bố trí và sử dụng cán bộ có năng lực, trình độ chuyên nghiệp phù hợp về quản lý thương mại trên địa bàn.

12. Liên minh Hợp tác xã tỉnh:

Chủ động trong công tác tham mưu cho địa phương trong quy hoạch phát triển làng nghề, hỗ trợ các doanh nghiệp xúc tiến thương mại, đào tạo nghề cho lao động các làng nghề, phát triển dịch vụ thương mại cho các hợp tác xã, cơ sở sản xuất tập trung.

Điều 2. Giao Sở Công Thương làm đầu mối, phối hợp với các cơ quan cấp tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện quy hoạch; giám sát thực hiện quy hoạch, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh và của địa phương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c)
- Như điều 3;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng NC KTKT;
- Lưu VT, KTTH. *đ/Ư*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

★ Nguyễn Văn Phong